

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 01/2022/DS-ST
Ngày: 04-01-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Thanh Tiến.

Ông Ngô Văn Bi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021, Thông báo dời phiên tòa số 74/TB-TA ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H (Tên thường gọi: Sáu Hùng), sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H là chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp “Sáu Hùng” tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Trong khoản thời gian từ năm 2015 đến năm 2019, ông H có bán vật tư nông nghiệp là phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho ông Trần Văn L. Hai bên mua bán theo hình thức mua và thanh toán theo quí (03 tháng trả tiền 01 lần). Tuy nhiên, năm 2019 ông L vẫn còn nợ lại mà chưa trả hết. Đến ngày 09/02/2021, hai bên chốt nợ, xác định ông L nợ số tiền 100.333.000 đồng. Ông H lập văn bản viết tay và ông L ký tên ghi họ tên vào. Từ khi chốt nợ cho đến nay, ông L vẫn chưa thanh toán được cho ông H khoản tiền nào. Do đó, ông H khởi kiện, yêu cầu ông L phải trả cho ông số tiền còn nợ là 100.333.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông H đã giao nộp 01 Văn bản viết tay ghi ngày 09/02/2021 có chữ ký mang tên Trần Văn L. Đồng thời ông H yêu cầu Tòa án thu thập mẫu chữ ký của ông L và yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang đối với chữ ký ông L trong văn bản mà ông H đã giao nộp. Tòa án đã thu thập mẫu chữ ký của ông Trần Văn L có trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 104/2019/LTST-DS ngày 27/12/2019 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông. Vụ án này ông L tham gia với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Tờ Bút lục số 28 đến Bút lục số 41). Tại Kết luận giám định số 861/KTHS-Đ2 ngày 14/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang đã xác định “Chữ ký mang tên “Trần Văn L” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên “Trần Văn L” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là do cùng một người ký ra” (Bút lục số 42). Chi phí giám định do ông H tạm ứng. Do đó, ngoài yêu cầu trả số tiền còn nợ, ông H còn yêu cầu ông L trả cho ông toàn bộ chi phí giám định là 2.100.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông L không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn ông Trần Văn L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H: Ông H yêu cầu ông Trần Văn L trả số tiền còn nợ là 100.333.000 đồng xuất phát từ hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp giữa hai bên từ năm 2015. Tên thường gọi khi mua bán của ông H là “Sáu Hùng”. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông H đã giao nộp 01 Văn bản viết tay ngày 09/02/2021, nội dung thể hiện số tiền còn nợ 100.333.000 đồng. Ông L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không thể hiện ý kiến đối với văn bản do ông H giao nộp. Do đó, ông H đã yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định đối với chữ ký của ông L trên văn bản ngày 09/02/2021. Tòa án đã tiến hành thu thập mẫu chữ ký của ông L theo đúng trình tự quy định và ra quyết định trưng cầu giám định theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại Kết luận giám định số 861/KTHS-Đ2 ngày 14/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang đã xác định “Chữ ký mang tên “Trần Văn L” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên “Trần Văn L” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M9 là do cùng một người ký ra”. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử xác định giao dịch mua bán giữa ông H và ông L là có thật, do đó yêu cầu khởi kiện của ông H là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất chậm trả: Hai bên chót nợ vào ngày 09/02/2021, tuy nhiên ông H không yêu cầu về lãi suất trong khoản thời gian chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí giám định: Ông H yêu cầu ông L phải trả cho ông toàn bộ chi phí giám định là 2.100.000 đồng. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của ông H là có căn cứ. Do đó, yêu cầu này của ông H là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 161, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Trần Văn L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 100.333.000 đồng (*Một trăm triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông Trần Văn L còn có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H chi phí giám định với số tiền 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm nghìn đồng*), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Ông Trần Văn L phải nộp 5.016.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.508.325 đồng theo biên lai thu số 49778 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm